2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

Phần III: Intranet Services

Bài Lab 1: Network Configuration

Bài Lab 2: DHCP

Bài Lab 3: Network File System(NFS)

Bài Lab 4: Samba

Bài Lab 5: NIS

Bài Lab 6: OPEN LDAP



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>



ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRỊ & AN NINH MANG

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

I/ Host name:

- Xem hostname hệ thống:

[root@testsrv /]# hostname
testsrv.athenna.edu.vn

Hay dùng lênh:

[root@testsrv /]# uname -n testsrv.athenna.edu.vn

- Thay đổi hostname hệ thống

Sửa file /etc/hosts:

```
[root@mail /]# vi /etc/hosts

# Do not remove the following line, or various programs
# that require network functionality will fail.
127.0.0.1 testserver
192.168.36.230 testserver
```

Nếu muốn hostname sẽ lưu lại sau khi ta khởi động lại hệ thống thì sửa file /etc/sysconfig/network:

```
[root@mail /]# vi /etc/sysconfig/network
    NETWORKING=yes
    NETWORKING_IPV6=yes
    HOSTNAME=testserver
```

Sau khi khởi đông lai hệ thống và kiểm tra lai hostname:

[root@mail /]# hostname
testserver

II/ Cấu hình IP card mạng:

- Xem thông tin cấu hình IP của card mang:

```
[root@mail /]# ifconfig
         Link encap:Ethernet HWaddr 00:0C:29:B3:E6:F5
         inet addr:192.168.36.230 Bcast:192.168.36.255 Mask:255.255.255.0
         inet6 addr: fe80::20c:29ff:feb3:e6f5/64 Scope:Link
         UP BROADCAST RUNNING MULTICAST MTU:1500 Metric:1
         RX packets:1151 errors:0 dropped:0 overruns:0 frame:0
         TX packets:53 errors:0 dropped:0 overruns:0 carrier:0
         collisions:0 txqueuelen:1000
         RX bytes:76910 (75.1 KiB) TX bytes:8265 (8.0 KiB)
         Interrupt:185 Base address:0x1400
10
         Link encap:Local Loopback
         inet addr:127.0.0.1 Mask:255.0.0.0
         inet6 addr: ::1/128 Scope:Host
         UP LOOPBACK RUNNING MTU:16436 Metric:1
         RX packets:2291 errors:0 dropped:0 overruns:0 frame:0
         TX packets:2291 errors:0 dropped:0 overruns:0 carrier:0
         collisions:0 txqueuelen:0
         RX bytes:6224408 (5.9 MiB) TX bytes:6224408 (5.9 MiB)
```

Hay dùng lệnh *ifconfig –a*

Nếu muốn xem thông tin cấu hình từng cardmạng thì:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

- Thay đổi địa chỉ IP:

Dùng lệnh:

[root@mail /]# ifconfig eth0 192.168.36.231 netmask 255.255.255.0 up

Tuy nhiên việc thay đổi bằng lệnh chỉ là tạm thời và sẽ không được lưu lại khi khởi động lại hệ thống.

Kiểm tra IP:

Restart lai service network như sau:

Kiểm tra lai IP:

Để có thể lưu lại việc thay đổi địa chỉ IP sau khi restart lại hệ thống, ta sửa trực tiếp file sau:

[root@mail /]# vi /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

```
# Advanced Micro Devices [AMD] 79c970 [PCnet32 LANCE]
DEVICE=eth0
ONBOOT=yes
BOOTPROTO=none
HWADDR=00:0c:29:b3:e6:f5
NETMASK=255.255.255.0
IPADDR=192.168.36.231
GATEWAY=192.168.36.254
TYPE=Ethernet
USERCTL=no
IPV6INIT=no
PEERDNS=yes
```

Restart lai service network như sau:

Kiểm tra lai IP:

- Tạo IP Alias cho card mạng:

Tao IP alias:

[root@mail /]# ifconfig eth0:0 192.168.36.233 netmask 255.255.255.0 up

Kiểm tra:

```
[root@mail /]# ifconfig eth0:0
eth0:0    Link encap:Ethernet HWaddr 00:0C:29:B3:E6:F5
    inet addr:192.168.36.233    Bcast:192.168.36.255    Mask:255.255.255.0
    UP BROADCAST RUNNING MULTICAST MTU:1500    Metric:1
    Interrupt:185    Base address:0x1400
```

Restart lai service network như sau:

[root@mail /]# service network restart			
Shutting down interface eth0:]	OK]
Shutting down loopback interface:	1	OK]
Bringing up loopback interface:	1	OK]
Bringing up interface eth0:	1	OK]

Kiểm tra lai IP:

[root@mail /]# ifconfig eth0:0

=> Không tìm thấy vì khi tạo bằng lệng ifconfig sẽ không được lưu lại khi restart service network hay khởi động lại hệ thống. Để lưu lại việc thay đổi địa chỉ IP sau khi restart lại hệ thống ta thực hiện các bước sau:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

Copy file *ifcfg-eth0* thành *ifcfg-eth0:0* như sau:

[root@mail /]# cp /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0 /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0:0

Sửa lại file ifcfg-eth0:0 như sau:

Restart lai service network như sau:

[root@mail /]# service network restart

Shutting down interface eth0:	[oĸ]
Shutting down loopback interface:]	OK]
Bringing up loopback interface:	1	OK]
Bringing up interface eth0:	Ĩ	OK	1

Kiểm tra:

[root@mail /]# ifconfig eth0:0
eth0:0 Link encap:Ethernet HWaddr 00:0C:29:B3:E6:F5
 inet addr:192.168.36.232 Bcast:192.168.36.255 Mask:255.255.255.0
 UP BROADCAST RUNNING MULTICAST MTU:1500 Metric:1
 Interrupt:185 Base address:0x1400

III/ Lệnh route:

- Xem routing table:

[root@mail /]#	route -n						
Kernel IP routin	ng table						
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	0	Θ	Θ	eth0
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	0	Θ	0	eth0

- Set default gateway cho từng ethernet device:

[root@mail /]# route add -net 192.168.36.0 netmask 255.255.255.0 gw 192.168.3
6.1

- Kiểm tra lại routing table:

[root@mail /]# route -n									
Kernel IP rout	Kernel IP routing table								
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface		
192.168.36.0	192.168.36.1	255.255.255.0	UG	Θ	Θ	Θ	eth0		
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0		
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	0	Θ	Θ	eth0		
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	Θ	0	Θ	eth0		



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

- Thêm default gateway:

[root@mail /]# route add default gw 192.168.36.1

- Kiểm tra lại routing table:

[root@mail /]# route -n									
Kernel IP routi	ng table								
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface		
192.168.36.0	192.168.36.254	255.255.255.0	UG	Θ	Θ	Θ	eth0		
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0		
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	Θ	Θ	0	eth0		
0.0.0.0	192.168.36.1	0.0.0.0	UG	Θ	Θ	0	eth0		
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	0	0	Θ	eth0		

- Xoá default route:

[root@mail /]# route del default gw 192.168.36.1

- Kiểm tra lại routing table:

[root@mail /]#	route -n						
Kernel IP routin	ng table						
Destination	Gateway	Genmask	Flags	Metric	Ref	Use	Iface
192.168.36.0	192.168.36.254	255.255.255.0	UG	0	Θ	Θ	eth0
192.168.36.0	0.0.0.0	255.255.255.0	U	0	Θ	0	eth0
169.254.0.0	0.0.0.0	255.255.0.0	U	0	0	0	eth0
0.0.0.0	192.168.36.254	0.0.0.0	UG	0	0	0	eth0

- Xoá một đường đi trong bảng định tuyến:

[root@mail /]# route del -net 192.168.36.0 netmask 255.255.255.0 gw 192.168.3
6.254 eth0

- Kiểm tra lại routing table:

[root@mail /]# route -n Kernel IP routing table Flags Metric Ref Destination Gateway Genmask Use Iface 192.168.36.0 0.0.0.0 0 eth0 255.255.255.0 U 0 0 169.254.0.0 0.0.0.0 255.255.0.0 U Θ 0 0 eth0 0.0.0.0 192.168.36.254 0.0.0.0 UG 0

IV/ Lệnh netstat:

- Xem routing table:

[root@mait /]# netstat -nr								
Kernel IP routing table								
ateway	Genmask	Flags	MSS	Window	irtt	Ifac		
.0.0.0	255.255.255.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0		
.0.0.0	255.255.0.0	U	Θ	Θ	Θ	eth0		
92.168.36.254	0.0.0.0	UG	Θ	Θ	0	eth0		
	table ateway .0.0.0 .0.0.0	table ateway Genmask .0.0.0 255.255.255.0	table ateway Genmask Flags .0.0.0 255.255.255.0 U .0.0.0 255.255.0.0 U	table ateway Genmask Flags MSS .0.0.0 255.255.255.0 U 0 .0.0.0 255.255.0.0 U 0	table ateway Genmask Flags MSS Window .0.0.0 255.255.255.0 U 0 0 .0.0.0 255.255.0.0 U 0 0	table ateway Genmask Flags MSS Window irtt .0.0.0 255.255.255.0 U 0 0 0 0 .0.0.0 255.255.0.0 U 0 0 0		

- Kiểm tra các port đang được mở:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

[root@ma	il /]#	netst	at -an						
Active I	Active Internet connections (servers and established)								
Proto Re	cv-Q Se	end-Q I	Local Address	Foreign Address	S				
tate									
tcp	Θ	0	127.0.0.1:2208	0.0.0.0:*	L				
ISTEN									
tcp	Θ	Θ	0.0.0.0:964	0.0.0.0:*	L				
ISTEN									
tcp	Θ	Θ	0.0.0.0:111	0.0.0.0:*	L				
ISTEN									
tcp	0	Θ :	127.0.0.1:631	0.0.0.0:*	L				
ISTEN									
tcp	Θ	0	127.0.0.1:2207	0.0.0.0:*	L				

V/ Các lệnh khác:

- Lệnh tracert: Kiểm tra kết nối đến một remote host

.....

[root@mail /]# tracert www.yahoo.com
traceroute to www.yahoo.com (209.131.36.158), 30 hops max, 40 byte packets
1 192.168.36.254 (192.168.36.254) 1.945 ms 2.682 ms 3.566 ms
2 192.168.62.25 (192.168.62.25) 0.905 ms 0.360 ms 1.723 ms
3 203.113.188.252 (203.113.188.252) 2.919 ms 3.013 ms 2.904 ms
4 203.113.158.28 (203.113.158.28) 96.256 ms 96.033 ms *
5 203.113.158.42 (203.113.158.42) 3.349 ms 3.050 ms 2.938 ms

- Lệnh tepdump: Capture các packets

[root@testserver ~]# tcpdump -n icmp -i eth0
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on eth0, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 96 bytes
10:04:54.650526 IP 192.168.36.2 > 192.168.36.231: ICMP echo request, id 1024
, seq 30720, length 40
10:04:54.651148 IP 192.168.36.231 > 192.168.36.2: ICMP echo reply, id 1024,
seq 30720, length 40
10:04:55.316892 IP 192.168.36.2 > 192.168.36.231: ICMP echo request, id 1024
, seq 30976, length 40
10:04:55.317274 IP 192.168.36.231 > 192.168.36.2: ICMP echo reply, id 1024,
seq 30976, length 40

VI/ Tâp tin /etc/services:

Khi xinetd được khởi tạo nó sẻ truy cập đến tập tin /etc/services để tìm cổng tương ứng với từng dịch vụ.

- Quan sát tập tin /etc/services như sau:

[root@mail /]# vi /etc/services



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

tcpmux	1/tcp		# TCP port service multiplexer
tcpmux	1/udp		# TCP port service multiplexer
rje	5/tcp		# Remote Job Entry
rje	5/udp		# Remote Job Entry
echo	7/tcp		
echo	7/udp		
discard	9/tcp	sink null	
discard	9/udp	sink null	
systat	11/tcp	users	
systat	11/udp	users	
daytime	13/tcp		
daytime	13/udp		
qotd	17/tcp	quote	
qotd	17/udp	quote	
msp	18/tcp		# message send protocol
msp	18/udp		# message send protocol
chargen	19/tcp	ttytst source	
chargen	19/udp	ttytst source	

Cấu trúc tập tin /etc/services gồm có 4 cột:

Cột 1: tên dịch vụ Côt 2: port/giao thức

Cột 3: aliases (danh sách những tên gọi khác của dịch vụ)

Côt 4: chú thích

VI/ Tập tin /etc/resolv.conf:

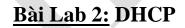
Khai báo cấu hình DNS client

[root@testsrv /]# vi /etc/resolve search athena.edu.vn nameserver 203.113.188.1 nameserver 203.113.131.1

search: danh sách các domains cho việc lookup các host-name, mặc dịnh khai báo local domain. (tối đa được khai báo 6 domains và tổng số ký tự là 256 ký tự) nameserver: chỉ định các DNS servers



TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 www.athena.edu.vn





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

I/ Cài đặt DHCP:

DHCP là dịch vụ cấp phát IP động cho các máy trạm.

- Kiểm tra DHCP đã được cài đặt hay chưa:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep dhcp
dhcpv6_client-0.10-33.el5
```

- Cài đặt (nếu chưa được cài đặt):

- Kiểm tra DHCP đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep dhcp
dhcpv6_client-0.10-33.el5
dhcp-3.0.5-7.el5
dhcp-devel-3.0.5-7.el5
```

II/ Cấu hình dhợp server:

file dùng để cấu hình dhep server là /etc/dhepd.conf

- Tạo file cấu hình dhcpd.conf bằng cách sửa đổi file dhcpd.conf.sample: [root@testsrv /]# cp /usr/share/doc/dhcp-3.0.5/dhcpd.conf.sample /etc/dhcpd.conf cp: overwrite `/etc/dhcpd.conf'? y
- Sửa file cấu hình /etc/dhcpd.conf như sau:

[root@testsrv /]# vi /etc/dhcpd.conf



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

```
ddns-update-style interim;
ignore client-updates;
subnet 192.168.36.0 netmask 255.255.255.0 {
# --- default gateway
        option routers
                                          192.168.36.254;
        option subnet-mask
                                          255.255.255.0;
                                          "Athena.edu.vn";
        option nis-domain
                                          "Athena.edu.vn";
        option domain-name
        option domain-name-servers
                                          192.168.36.1;
                                          -18000; # Eastern Standard Time
        option time-offset
#
        option ntp-servers
                                          192.168.1.1;
        option netbios-name-servers
                                          192.168.1.1;
   -- Selects point-to-point node (default is hybrid). Don't change this unless
 -- you understand Netbios very well
        option netbios-node-type 2;
        range dynamic-bootp 192.168.36.233 192.168.36.240;
        default-lease-time 21600;
        max-lease-time 43200;
        # we want the nameserver to appear at a fixed address
        host ns {
                next-server marvin.redhat.com;
                hardware ethernet 12:34:56:78:AB:CD;
                        fixed-address 207.175.42.254;
      Ý nghĩa một số options:
                                           Không cho phép DHCP cập
            ddns-update-style interim
                                        □ nhật động DNS
            ignore client-updates
            subnet .... netmask
                                      : Subnet và netmask
            option routers
                                     : Default gateway
                                     : Netmask cấp cho client
            option subnet-mask
```

host ns : Khái báo những mấy luôn nhận IP cố định

: NIS domain

: Domain mame

: Vùng địa chỉ cấp phát cho các clients: Thời gian mặc định cấp IP cho một client

: Thời gian tối đa cấp IP cho một client

option nis-domain option domain-name

range dynamic-bootp

default-lease-time

max-lease-time

option domain-name-servers: IP DNS server



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

- Start dhcp daemon:

[root@testsrv /]# service dhcpd start
Starting dhcpd: [OK]

III/ Cấu hình DHCP client:

- Sửa file cấu hình card mạng:

```
[root@testsrv /]# vi /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-eth0
    # Advanced Micro Devices [AMD] 79c970 [PCnet32 LANCE]
    DEVICE=eth0
    ONBOOT=yes
    BOOTPROTO=dhcp
    HWADDR=00:0c:29:7d:7d:b9
    TYPE=Ethernet
    USERCTL=no
    IPV6INIT=no
    PEERDNS=ves
```

- Restart service network:

```
[root@testsrv /]# service network restart

Shutting down interface eth0: [ OK ]

Shutting down loopback interface: [ OK ]

Bringing up loopback interface: [ OK ]

Bringing up interface eth0:

Determining IP information for eth0... done.
```

- Kiểm tra lại địa chỉ IP:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

IV/ Theo dõi tình hình cấp phát DHCP trên Server:

```
[root@testsrv /]# cat /var/lib/dhcpd/dhcpd.leases
# All times in this file are in UTC (GMT), not your local timezone.
# not a bug, so please don't ask about it. There is no portable way to
# store leases in the local timezone, so please don't request this as a
# feature. If this is inconvenient or confusing to you, we sincerely
# apologize. Seriously, though - don't ask.
# The format of this file is documented in the dhcpd.leases(5) manual page.
# This lease file was written by isc-dhcp-V3.0.5-RedHat
lease 192.168.36.240 {
  starts 1 2008/02/04 23:39:12;
  ends 2 2008/02/05 05:39:12;
 binding state active;
 next binding state free;
 hardware ethernet 00:0c:29:7d:7d:b9;
lease 192.168.36.240 {
  starts 1 2008/02/04 23:40:15;
  ends 2 2008/02/05 05:40:15;
 binding state active;
 next binding state free;
 hardware ethernet 00:0c:29:7d:7d:b9;
}
```





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>



ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRI, & AN NINH MANG

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

I/ Cài đặt NFS:

NFS là dịch vụ hỗ trợ cơ chế chia sẻ tài nguyên giữa các máy chủ Linux.

- Kiểm tra NFS đã được cài đặt hay chưa:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep nfs
```

- Cài đặt (nếu chưa được cài đặt):

- Kiểm tra NFS đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep nfs
nfs-utils-lib-1.0.8-7.2
nfs-utils-1.0.9-16.el5
```

Ngoài ra NFS còn đỏi hỏi phải có một Daemon quan trọng dùng để quản lý các kết nối đó là Portmap. Mặc định portmap được cài đặt sắn trên hệ thống. Portmap listen trên TCP port 111.

- Kiếm tra portmap đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep portmap
portmap-4.0-65.2.2.1
```

- Stop portmap daemon:

```
[root@testsrv /]# service portmap stop
Stopping portmap: [ OK ]
```

- Start portmap daemon:

```
[root@testsrv /]# service portmap start
Starting portmap: [ OK ]
```

- Kiểm tra portmap daemon:

II/ Cấu hình NFS server: file dùng để cấu hình NFS là /etc/exports

- Tạo một thư mục chia sẻ như sau:

```
[root@testsrv /]# mkdir /share
```

- Tạo một file trong thư mục /share:

```
[root@testsrv /]# touch /share/test.txt
```

- Cấp quyền truy cập vào thư mục /share:

```
[root@testsrv /]# chmod 766 -R /share/
```

- Sửa file /etc/exports thêm vào dòng sau:

```
[root@testsrv /]# vi /etc/exports
/share 192.168.36.0/24(rw,sync)

Thur mục share Dãy địa chỉ có thể truy cập Quyền truy cập
```

ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRỊ & AN NINH MANG

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

Gồm có các quyền truy cập thông dụng như sau:

secure : Port từ client requests phải nhỏ hơn 1024

ro : Read only rw : Read – write noaccess : Denied access

root_squash : Ngăn remote root users no_root_squash : Cho phép remote root users

- Restart daemon nfs:

```
[root@testsrv /]# service nfs restart

Shutting down NFS mountd: [ OK ]

Shutting down NFS daemon: [ OK ]

Shutting down NFS quotas: [ OK ]

Shutting down NFS services: [ OK ]

Starting NFS services: [ OK ]

Starting NFS quotas: [ OK ]

Starting NFS daemon: [ OK ]

Starting NFS mountd: [ OK ]
```

<u>Lưu ý:</u> sau khi thay đổi file /etc/exports bạn phải restart daemon nfs hay dùng các lệnh sau:

exportfs –a : Reload lại toàn bộ cấu hình cho NFS

exportfs –r : Reload lai những thay đổi trong cấu hình cho NFS

- Do NFS cần mở một số port khi chạy như (111, 2049..) nên ta cần cấu hình firewall mở các port này hay tắt firewall:

```
[root@testsrv /]# service iptables stop
Flushing firewall rules: [ OK ]
Setting chains to policy ACCEPT: filter [ OK ]
Unloading iptables modules: [ OK ]
```

III/ Cấu hình NFS client:

1/ Cấu hình truy cập bằng tay:

- Tao thu muc:

[root@testsrv /]# mkdir /mnt/nfs

- Mount NFS file:

```
[root@testsrv /]# mount -t nfs 192.168.36.230:/share /mnt/nfs/

IP NFS Thu muc Share Mount trên NFS Server point
```

- Kiểm tra các mount point trên hệ thống:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

```
[root@mail /]# mount
      /dev/sda5 on / type ext3 (rw)
      proc on /proc type proc (rw)
      sysfs on /sys type sysfs (rw)
      devpts on /dev/pts type devpts (rw,gid=5,mode=620)
      /dev/sdal on /boot type ext3 (rw)
      /dev/sda3 on /data type ext3 (rw)
      tmpfs on /dev/shm type tmpfs (rw)
      none on /proc/sys/fs/binfmt_misc type binfmt_misc (rw)
      sunrpc on /var/lib/nfs/rpc_pipefs type rpc_pipefs (rw)
      nfsd on /proc/fs/nfsd type nfsd (rw)
      192.168.36.230:/share on /mnt/nfs type nfs (rw,addr=192.168.36.230)
- Kiểm tra:
      [root@testsrv /]# ls -l /mnt/nfs/
      total 4
      -rw-r--r-- 1 root root 0 Feb 4 09:41 test.txt
```

2/ Cấu hình truy cập trong file /etc/fstab:

- Sửa file /etc/fstab như sau:

```
[root@testsrv /]# vi /etc/fstab
```

• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •						
LABEL=SWAP-sda2	swap	S	swap	defaults	Θ	0
192.168.36.230:/share	/mnt/nfs	n	ıfs	defaults	0	0
	4					
LABEL=SWAP-sda2	swap	S	swap	defaults	Θ	0
192.168.36.230:/share	/mnt/nfs	r	nfs	soft,nfsvers=2	0	0

- Reboot lại hệ thống: init 6

IV/ Allow/Deny một kết nối đến NFS server:

Sử dụng file /etc/hosts.allow và /etc/hosts.deny để permit kết nối đến NFS server

- Cầm tất cả các clients truy cập vào NFS server

- Cho phép server có ip 192.168.36.233 truy cập đến NFS server:

- Sang máy 192.168.36.233 truy cập đến NFS server:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

[root@testsrv /]# mount -t nfs 192.168.36.230:/share /mnt/nfs => thành công!

- Sang máy khác 192.168.36.233 truy cập đến NFS server

[root@testsrv /]# mount -t nfs 192.168.36.230:/share /mnt/nfs mount: mount to NFS server '192.168.36.230' failed: RPC Error: Program not registered. => không thành công !

V/ Kiểm tra hoạt động của NFS server:

- Thông kê sử dụng NFS:

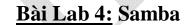
```
[root@mail /]# nfsstat
Server rpc stats:
calls
      badcalls
               badauth
                        badclnt
                                xdrcall
12
               Θ
                        Θ
                                Θ
Server nfs v3:
         getattr
                                               readlink
null
                 setattr
                           lookup
                                    access
      20% 3
                                            10% 0
2
               30% 0
                          0% 0
                                   0% 1
               create
                         mkdir
                                   symlink
      write
                                            mknod
read
                                   0% 0
       0% 0
                          0% 0
0
                0% 0
                                             0% 0
                         link
      rmdir
                rename
                                   readdir
remove
                                            readdirplus
                0% 0
       0% 0
                          0% 0
                                   0% 0
                                             0% 1
      fsinfo
               pathconf commit
fsstat
               30% 0
       0% 3
                          0% 0
                                   0%
Client rpc stats:
calls
       retrans
               authrefrsh
```

<u>Lưu ý:</u> sử dụng lệnh **man nfsstat** để xem thêm các option của lênh nfsstat.

- Liệt kê danh sách các portmapper đã đăng ký trên host

```
[root@mail /]# rpcinfo -p localhost
  program vers proto
                    port
                  111 portmapper
   100000 2 tcp
   100000 2 udp
                    111 portmapper
   100024 1 udp
                    971 status
   100024 1 tcp
                    974 status
   100011 1 udp
                    757 rquotad
   100011 2
              udp
                    757 rquotad
   100011 1
                    760 rquotad
              tcp
   100011
              tcp
                    760 rquotad
   100003
              udp
                    2049
         3
   100003
              udp
                    2049
                         nfs
   100003 4
              udp
                    2049 nfs
   100003
              tcp
                    2049 nfs
   100003 3
              tcp
                    2049 nfs
   100003 4
              tcp
                    2049 nfs
```

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 www.athena.edu.vn



ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRI & AN NINH MANG

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẨN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

I/ Cài đặt samba:

Là dịch vụ hỗ trợ chia sẻ tài nguyên từ hệ thống Linux với các hệ thống khác như Linux, Windows.

- Kiểm tra samba đã được cài đặt hay chưa:

```
[root@testsrv /]# rpm -ga | grep samba
```

- Cài đặt (nếu chưa được cài đặt):

```
[root@testsrv /]# rpm -ivh samba-common-3.0.25b-1.el5_1.4.i386.rpm
                ########### [100%]
Preparing...
 1:samba-common
                ############ [100%]
[root@testsrv /]# rpm -ivh samba-client-3.0.25b-1.el5 1.4.i386.rpm
            Preparing...
                 ########### [100%]
 1:samba-client
[root@testsrv /]# rpm -ivh samba-3.0.25b-1.el5_1.4.i386.rpm
Preparing...
                 ########### [100%]
                 ############ [100%]
[root@testsrv /]# rpm -ivh system-config-samba-1.2.39-1.el5.noarch.rpm
              ########## [100%]
Preparing...
 1:system-config-samba ######################## [100%]
```

- Kiểm tra samba đã được cài đặt trên hệ thống:

```
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep samba
samba-client-3.0.25b-1.el5_1.4
samba-common-3.0.25b-1.el5_1.4
samba-3.0.25b-1.el5_1.4
system-config-samba-1.2.39-1.el5
```

II/ Cấu hình samba server:

- Tạo một thư mục chia sẻ như sau:

```
[root@testsrv /]# mkdir /share
```

- Tạo một file trong thư mục /share:

```
[root@testsrv /]# touch /share/test.txt
```

- Cấp quyền truy cập vào thư mục /share:

```
[root@testsrv /]# chmod 777 -R /share/
```

- Sửa file /etc/samba/smb.conf sửa các dòng sau:

[root@testsrv /]# vi /etc/samba/smb.conf

```
hosts allow = 192.168.36.

Dãy IP được phép truy cập

Sử dụng Authenticate

passdb backend = smbpasswd

[share]

comment = Share Folder

path = /share

public = yes

writable = yes

printable = no
```

- Tao SELinux label cho thu muc share:

```
[root@testsrv /]# chcon -t samba_share_t /share
```



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

- Kiểm tra lại:

- Tạo user truy cập

[root@testsrv /]# useradd test
[root@testsrv /]# passwd test
Changing password for user test.
New UNIX password:
BAD PASSWORD: it is too short
Retype new UNIX password:

passwd: all authentication tokens updated successfully.

- Mã hoá password:

Tạo tập tin mật khẩu riêng cho samba từ tập tin /etc/passwd
[root@testsrv /]# cat /etc/passwd | mksmbpasswd.sh > /etc/samba/smbpasswd

Cấp quyền chỉ đọc và ghi cho user root

[root@testsrv /]# chmod 600 /etc/samba/smbpasswd

Tạo mật khẩu cho người dùng samba

[root@testsrv /]# smbpasswd test
New SMB password:
Retype new SMB password:

- Start daemon smb:

[root@testsrv /]# service smb start
Starting SMB services:
Starting NMB services:

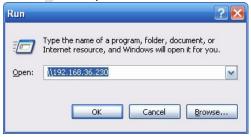
- Do samba cần mở một số port khi chạy như (139,445,..) nên ta cần cấu hình firewall mở các port này hay tắt firewall:

```
[root@testsrv /]# service iptables stop
Flushing firewall rules: [ OK ]
Setting chains to policy ACCEPT: filter [ OK ]
Unloading iptables modules: [ OK ]
```

III/ Cấu hình samba client:

1/ Trên Windows:

Vào Start menu -> chọn Run

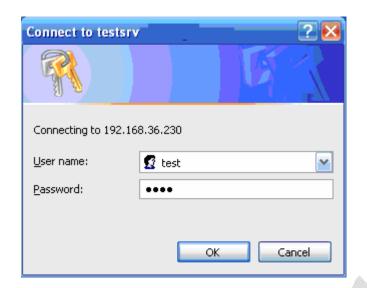


Nhập vào địa chỉ của samba server \Rightarrow Chọn OK

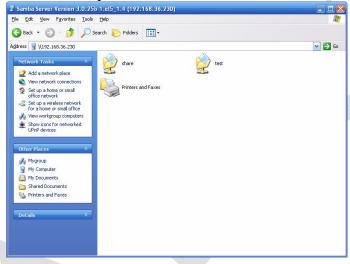


2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn



Nhập vào user name, password \Rightarrow Chọn OK



2/ Trên Linux:

- Tao thu muc:

[root@testsrv /]# mkdir /mnt/samba

- Mount NFS file:

[root@testsrv /]# mount -o username=test,password=test //192.168.36.230/share /mnt/samba

IP SMB Thur muc Share Mount trên Samba point

- Kiểm tra:

[root@testsrv /]# ls -l /mnt/samba/
total 8
drwxr-xr-x 2 usera usera 0 Feb 4 14:57 New Folder
-rwxr--r-- 1 usera usera 7 Feb 4 14:58 New Text Document.txt

<u>Chú ý:</u> Có thể sửa file /etc/fstab để cho phép tự động mount khi reboot lại hệ thống.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

IV/ Dùng Samba Swat:

Swat là một công cụ cho phép bạn có thể cấu hình SAMBA qua giao diện Web.

```
1/ Cài đặt:Cài đặt thêm gói samba-swap
```

```
[root@testsrv /]# rpm -ivh samba-swat-3.0.25b-1.el5_1.4.i386.rpm
Preparing... ############################### [100%]
1:samba-swat ############################### [100%]
- Kiểm tra lại:
[root@testsrv /]# rpm -qa | grep samba
samba-3.0.25b-1.el5_1.4
samba-common-3.0.25b-1.el5_1.4
samba-swat-3.0.25b-1.el5_1.4
```

2/ Cầu hình:

- Sửa file cầu hình /etc/xinetd.d/swat như sau:

```
[root@testsrv /]# vi /etc/xinetd.d/swat
       # default: off
       # description: SWAT is the Samba Web Admin Tool. Use swat \
       #
                     to configure your Samba server. To use SWAT, \
       #
                     connect to port 901 with your favorite web browser.
      service swat
                              = 901
              port
              socket_type
                              = stream
              wait
                              = no
              only_from
                              = 127.0.0.1
              user
                              = root
              server
                              = /usr/sbin/swat
              log_on_failure += USERID
              disable
                              = no
      }
```

- Restart lai service xinetd:

```
[root@testsrv /]# service xinetd start
Starting xinetd: [ OK ]
```

- Mở trình duyệt Mozilla Firefox và nhập vào địa chỉ sau để cấu hình samba-swat:



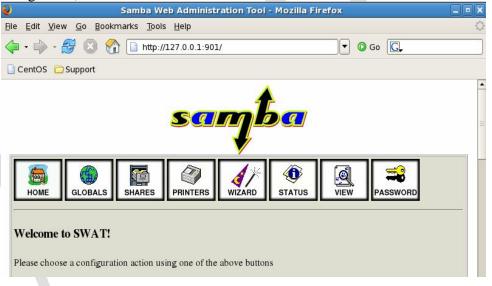
2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

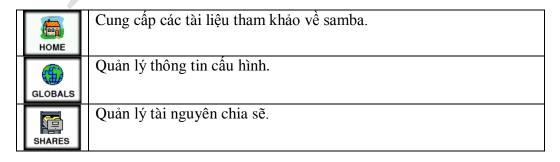


Nhập vào user root và password => chọn Ok

- Màn hình giao diện samba-swat:



- Các thành phần cấu hình samba-swat:



ATHENA TRUNG TÂM ĐÀO TAO QUẨN TRI & AN NINH MANG

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

PRINTERS	Quản lý việc chia sẽ mày in.
WIZARD	Quản lý Server type, Wins và một số tham số khác.
STATUS	Theo dõi trại thái của samba.
VIEW	Xem thông tin cấu hình trong file /etc/samba/smb.conf.
PASSWORD	Quản lý mật khẩu

- Tao môt thư mục share:

[root@testsrv /]# mkdir /share_swat

- Cấp quyền cho thư mục /share swat

[root@testsrv /]# chmod -R 777 /share swat/

- Tao SELinux label cho thu muc share:

[root@testsrv /]# chcon -t samba_share_t /share_swat/

- Click vào GLOBALS: thay đổi các thông số sau:

security: USER encript passwords: yes

hosts allow: 192.168.36.

- Click vào SHARES: thay đổi các thông số sau:

Nhập vào tên thư mục share: share swat => click vào nút *Create Share*

Create Share | share_swat

Nhập vào

path: /share_swat

read only: no (yes: nếu muốn chỉ đọc)

Click vào nút Commit Changes

- Click vào VIEW để xem lại thông tin cấu hình
- Click vào STATUS => chọn Restart All

3/ Truy xuất:

- Tao thu muc:

[root@testsrv /]# mkdir /mnt/samba

- Mount NFS file:

[root@testsrv /]# mount -o username=test,password=test //192.168.36.230/share /mnt/samba



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

- Kiểm tra:

```
[root@testsrv /]# ls -l /mnt/samba/
total 8
drwxr-xr-x 2 usera usera 0 Feb  4 14:57 New Folder
-rwxr--r-- 1 usera usera 7 Feb  4 14:58 New Text Document.txt
```





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

SamBa-Active Directory

1/ Môi trường:

- Một server Win 2003 là Active Directory
- Domain: SAMPLE.ORG
- Những user có trên domain: user01, user02

2/ Cấu hình samba:

- Sửa file /etc/krb5.conf, có nội dung sau:

```
[libdefaults]
default realm = SAMPLE.ORG
dns_lookup_realm = false
dns lookup kdc = false
ticket lifetime = 24h
forwardable = yes
realms]
EXAMPLE.COM = {
 kdc = kerberos.example.com:88
 admin_server = kerberos.example.com:749
 default domain = example.com
SAMPLE.ORG = {
 kdc = testserver.sample.org:88
 admin server = testserver.sample.org:749
 default_domain = sample.org
[domain_realm]
.example.com = EXAMPLE.COM
example.com = EXAMPLE.COM
.sample.org = sample.org
sample.org = sample.org
```

Sửa file /etc/samba/smb.conf có nội dùng sau:

```
workgroup = SAMPLE
security = ads
realm = sample.org
    encrypt passwords = yes
    idmap uid = 10000 - 20000
    idmap gid = 10000 - 20000
    enhanced browsing = no
    winbind use default domain = yes
```

Join samba server vào domain:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>

```
[root@testsrv ~]# net ads join -U administrator@SAMPLE.ORG
administrator@SAMPLE.ORG's password:
Using short domain name -- SAMPLE
Joined 'TESTSRV' to realm 'SAMPLE.ORG'
```

- Sau khi join, giả sửa muốn ưa samba server ra khỏi domain, dùng lệnh sau:

[root@testsrv ~]# net ads leave -U administrator@SAMPLE.ORG
administrator@SAMPLE.ORG's password:
Disabled account for 'TESTSRV' in realm 'SAMPLE.ORG'

Chú ý: samba server và domain controller phải cùng giờ.

- Sửa lại file /etc/nsswitch.conf, nội dung như sau:

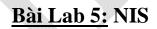
passwd:	files	winbind
shadow:	files	
group:	files	winbind

- Start server winbind, restart service smb
- Test thử quá trình join domain đúng hay chưa, bằng cách liệt kê các user của domain

[root@testsrv ~]# wbinfo -u SAMPLE\administrator SAMPLE\guest SAMPLE\support_388945a0 SAMPLE\krbtgt SAMPLE\user01 SAMPLE\user02

- Hoàn tất quá trình, test.

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

I/ Cài đặt NIS:

- Kiểm tra gói ypserv*.rpm đã được cài đặt chưa. Nếu chưa, tiến hành cài đặt như sau:

```
[root@centos-1 setup]# rpm -ivh ypserv-2.19-3.i386.rpm
               ############ [100%]
Preparing...
               1:ypserv
```

II/ Khởi tạo NIS server:

- Xem NIS domain hiện tại của server, cấu hình NIS domain cho server:

```
[root@centos-1 setup]# domainname
[root@centos-1 setup]# domainname nis.example.org
[root@centos-1 setup]# domainname
nis.example.org
```

- Hoặc thêm dòng sau vào file /etc/sysconfig/network:

```
NISDOMAIN=nis.example.org
```

- Chỉnh sửa file /var/yp/Makefile để bắt đầu khởi tạo những thông tin mà NIS sẽ phục vụ cho domain: NOPUSH=true

```
Đưa thông tin
# Should we merge the passwd file with the shadow file ?
                                                               pass shadow vào
# MERGE PASSWD=true|false
                                                               file /etc/passwd
MERGE_PASSWD=true -
                                                               trên NIS server
# Should we merge the group file with the gshadow file ?
                                                               Những thông tin
# MERGE GROUP=true|false
                                         √Đưa thông tin
                                                               này sẽ được
MERGE GROUP=true
                                          group vào file
                                                               chia sẻ qua NIS
                                          /etc/passwd trên
                                          NIS server
all: passwd group hosts rpc services netid protocols mail \
        # netgrp shadow publickey networks ethers bootparams printcap \
        # amd.home auto.master auto.home auto.local passwd.adjunct \
        # timezone locale netmasks
```

Khởi tao NIS server:

```
[root@centos-1 ~]# /usr/lib/yp/ypinit -m
At this point, we have to construct a list of the hosts which will run NIS
servers. centos-1 is in the list of NIS server hosts. Please continue to add
the names for the other hosts, one per line. When you are done with the
list, type a <control D>.
       next host to add: centos-1
       next host to add:
The current list of NIS servers looks like this:
centos-1
Is this correct? [y/n: y] y
var/yp/nis.example.org'
centos-1 has been set up as a NIS master server.
Now you can run ypinit -s centos-1 on all slave server.
[root@centos-1 ~]# service portmap start
Starting portmap:
                                                       [ OK ]
[root@centos-1 ~]# service ypserv start
Starting YP server services:
                                                       [ OK ]
```



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

III/ Cấu hình NIS client:

- Chỉnh sửa file /etc/yp.conf:

domain nis.example.org broadcast

- Start tiến trình ypbind:

```
[root@centos-1 ~]# /etc/init.d/ypbind start
Binding to the NIS domain: [ OK ]
Listening for an NIS domain server..
```

- Sử dụng lệnh ypwhich để kiểm tra NIS server nào đang phục vụ những request NIS:

```
[root@centos-1 ~]# ypwhich
192.168.1.11
```

- Lệnh ypcat để liệt kê thông tin một bảng map trên NIS server:

```
[root@centos-1 ~]# ypcat passwd
userd:!!:500:500::/var/home/userd:/bin/bash
userf:!!:502:502::/var/home/userf:/bin/bash
usere:!!:501:501::/var/home/usere:/bin/bash
```

- Cấu hình trong file /etc/nsswitch.conf để hệ thống biết cần tìm kiếm thông tin ở đâu:

passwd: files nis ldap shadow: files nis ldap group: files nis ldap

- Hoặc chỉnh sửa bằng màn hình đồ họa:





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn





- Dùng một máy tính khác, login bằng user chỉ có trên NIS server (không tồn tại ở máy cục bộ), để kiểm tra hoat đông sử dung NIS chứng thực:
- Khi thay đổi thông tin thông tin trên một bản map của NIS server, chẳng hạn thêm một user test vào file /etc/passwd:

[root@centos-1 ~]# useradd test



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

- Update lại thông tin trên NIS server như sau:

```
[root@centos-1 ~]# cd /var/yp/
[root@centos-1 yp]# make
gmake[1]: Entering directory `/var/yp/nis.example.org'
Updating passwd.byname...
Updating passwd.byuid...
Updating group.byname...
Updating group.bygid...
Updating netid.byname...
gmake[1]: Leaving directory `/var/yp/nis.example.org'
```

- Tai NIS client, xem lai bản map:

```
[root@centos-1 yp]# ypcat passwd
userd:!!:500:500::/var/home/userd:/bin/bash
test:!!:503:503::/var/home/test:/bin/bash
userf:!!:502:502::/var/home/userf:/bin/bash
usere:!!:501:501::/var/home/usere:/bin/bash
```

- Xóa thông tin của user test trên local:

```
[root@centos-1 yp]# userdel test
```

- Thử switch qua user test, kết quả vẫn switch được bình thường, vì lúc này thông tin đã được tìm kiếm trên NIS

```
[root@centos-1 yp]# su test
bash-3.1$ exit
```





TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ VÀ AN NINH MẠNG ATHENA 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM Tel: (84-8) 38244041 – 0989012418 www.athena.edu.vn





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

I/ Cài đặt openldap:

Kiểm tra gói openIdap đã được cài đặt hay chưa:
 [root@centos-1 ~]# rpm -qa openIdap*
 openIdap-2.3.27-5

- Nếu còn thiếu, tiến hành cài đặt đủ các gói openIdap như sau:

II/ Test hoạt động của openIdap:

- Xem file /etc/openldap/slapd.conf với những option mặc định:

```
# See slapd.conf(5) for details on configuration options.
                                                             Schema được
# This file should NOT be world readable.
                                                             định nghĩa
                /etc/openldap/schema/core.schema
include
                                                             sẵn.
                /etc/openldap/schema/cosine.schema
include
include
                /etc/openldap/schema/inetorgperson.schema
include
                /etc/openldap/schema/nis.schema
# Allow LDAPv2 client connections. This is NOT the default.
allow bind v2
# Do not enable referrals until AFTER you have a working directory
# service AND an understanding of referrals.
               ldap://root.openldap.org
                /var/run/openldap/slapd.pid
pidfile
argsfile
                /var/run/openldap/slapd.args
                                                    Ldap server
```

phuc vu cho

- Sửa những dòng sau trong file /etc/openldap/slapd.conf:

```
database bdb
suffix "dc=example,dc=org"
rootdn "cn=Manager,dc=example,dc=org"
# Cleartext passwords, especially for the rootdn, should
# be avoided. See slappasswd(8) and slapd.conf(5) for details.
# Use of strong authentication encouraged.
rootpw secret
```

- Start dich vu ldap:

```
[root@centos-1 setup]# service ldap start
Checking configuration files for slapd: config file testing succeeded
[ OK ]
Starting slapd: [ OK ]
[root@centos-1 setup]# service ldap status
slapd (pid 3188) is running...
```

- Soạn thảo file /etc/sample.ldif có nội dung như sau:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

```
dn: dc=example,dc=org
         objectclass: dcObject
         objectclass: organization
         o: Example inc.
         dc: example
         dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
         objectclass: organizationalRole
         cn: bogus
         dn: cn=testuser,dc=example,dc=org
         objectclass: organizationalRole
         cn: testuser
- Dùng lệnh ldapadd để add nội dung của file sample.ldif vào ldap server:
         [root@centos-1 setup]# ldapadd -x -D "cn=manager,dc=example,dc=org" -W -f /tmp/sample.ldif
         Enter LDAP Password:
         adding new entry "dc=example,dc=org"
         adding new entry "cn=bogus,dc=example,dc=org"
         adding new entry "cn=testuser,dc=example,dc=org"
- Dùng lênh ldapsearch tiến hành tìm kiếm những dữ liêu vừa import:
       [root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -b "dc=example,dc=org" "(objectclass=*)"
       # example.org
       dn: dc=example,dc=org
       objectClass: dcObject
       objectClass: organization
       o: Example inc.
       dc: example
       # bogus, example.org
       dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
       objectClass: organizationalRole
       cn: bogus
       # testuser, example.org
       dn: cn=testuser,dc=example,dc=org
       objectClass: organizationalRole
       cn: testuser
       # search result
       search: 2
       result: 0 Success
       # numResponses: 4
       # numEntries: 3
```



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

```
[root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -LLL "(objectclass=*)"
              dn: dc=example,dc=org
              objectClass: dcObject
              objectClass: organization
              o: Example inc.
              dc: example
              dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
              objectClass: organizationalRole
              cn: bogus
              dn: cn=testuser,dc=example,dc=org
              objectClass: organizationalRole
              cn: testuser
       - Tìm kiếm entry, có "cn=bogus":
              [root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -LLL -b "dc=example,dc=org" "(cn=bogus)'
              dn: cn=bogus,dc=example,dc=org
              objectClass: organizationalRole
              cn: bogus
       - Xóa entry "cn=bogus,dc=example,dc=org":
              [root@centos-1 setup]# ldapdelete -x -W -D "cn=Manager,dc=example,dc=org" "cn=bogus,dc=example,dc
              Enter LDAP Password:
       - Kiếm tra lai:
              [root@centos-1 setup]# ldapsearch -x -LLL -b "dc=example,dc=org" "(cn=bogus)"
       Chú ý: Dùng lệnh man đề xem thêm cú pháp của những lệnh ldapadd, ldapsearch...
II/ Cấu hình kiểm tra username/password bằng openIdap:
       - Các bước cấu hình để hệ thống kiểm tra user/pass bằng openIdap (thay vì bằng file /etc/passwd)
       - Sử dụng những script để migrate dữ liệu từ file /etc/passwd sang openIdap
       - Đâu tiên sử dụng script /usr/share/openldap/migration/migrate common.ph. Thay thế nội dung
         như sau:
              # Default DNS domain
              $DEFAULT MAIL DOMAIN = "example.org";
              # Default base
              $DEFAULT BASE = "dc=example,dc=org";
       - Tiếp theo chạy script migrate base.pl:
```

.....

[root@centos-1 migration]# ldapadd -c -x -D "cn=Manager,dc=example,dc=org" -W -f /tmp/base.ldif

[root@centos-1 migration]# ./migrate_base.pl > /tmp/base.ldif

adding new entry "nisMapName=netgroup.byuser,dc=example,dc=org"

Enter LDAP Password:

adding new entry "dc=example,dc=org" ldap add: Already exists (68)

adding new entry "ou=Hosts,dc=example,dc=org" adding new entry "ou=Rpc,dc=example,dc=org"

adding new entry "ou=Services,dc=example,dc=org"



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 www.athena.edu.vn

- Export dữ liệu thành dạng file ldif, import vào ldap: [root@centos-1 migration]# ./migrate_passwd.pl /etc/passwd > /tmp/ldap-users.ldif [root@centos-1 migration]# ldapadd -c -x -D "cn=Manager,dc=example,dc=org" -W -f /tmp/ldap-users. Enter LDAP Password: adding new entry "uid=root,ou=People,dc=example,dc=org" adding new entry "uid=bin,ou=People,dc=example,dc=org" adding new entry "uid=daemon,ou=People,dc=example,dc=org" adding new entry "uid=adm,ou=People,dc=example,dc=org" adding new entry "uid=lp,ou=People,dc=example,dc=org" adding new entry "uid=sync,ou=People,dc=example,dc=org" - Kiểm tra lại thông tin user đã được import vào ldap: [root@centos-1 ~]# ldapsearch -x -LLL -b "dc=example,dc=org" "(objectclass=*)" | more dn: uid=root,ou=People,dc=example,dc=org uid: root cn: root objectClass: account objectClass: posixAccount objectClass: top objectClass: shadowAccount userPassword:: e2NyeXB0fSQxJDBETThjNHhZJFdDUjIzQU4vQTNLbVRkc3RvbXozdTA= shadowLastChange: 13897 shadowMax: 99999 shadowWarning: 7 loginShell: /bin/bash uidNumber: 0 gidNumber: 0

- Cấu hình lại cách chứng thực:





2 Bis Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Cao, Q.1, TP.HCM

Tel: (84-8) 38244041 - 0989012418 <u>www.athena.edu.vn</u>



